

Bản án số: 250 /2023/ DS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2023

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà TRẦN TÚ ANH

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TRẦN VĂN NHU**

2. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

- Thư ký phiên tòa: Bà ĐẶNG THỊ THÙY DUNG - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:

Không có tham gia.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260 /2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Ông **Ngô Văn C1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Q, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Bà **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện ủy quyền cho bà H1: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956

Địa chỉ: 461C, tổ 23, khu 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:*

3.1. Ông **Cao Văn H**, sinh năm 1963

3.2. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1961

3.3. Anh **Cao Thanh D**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt ông N; ông C1, ông H, anh D xin vắng mặt; bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày:** Do quen biết nên vào ngày 10/6/2020 ông C1, bà H1 cho ông H, bà B, anh D mượn 380.000.000 đồng, có viết biên nhận. Nhưng từ khi mượn đến nay chưa trả tiền cho ông bà dù đã nhiều lần liên hệ. Ông C1, bà H1 yêu cầu ông H, bà B, anh D trả 380.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi từ ngày 10/6/2020 đến ngày xét xử, lãi suất 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 380.000.000 đồng vốn, yêu cầu trả lãi từ ngày 10/6/2020, lãi suất 10%/ năm.

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị B tại bản tự khai trình bày:** Bà có mượn bà H1 120.000.000 đồng. Trong đó lần 1 mượn 80.000.000 đồng, lần 2 mượn 10.000.000 đồng, lần 3 mượn 15.000.000 đồng, lần 4 mượn 15.000.000 đồng. Qua thời gian có trả được 02 lần 35.000.000 đồng và sau này mượn 93.000.000 đồng. Như vậy bà nợ 178.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả 178.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

- **Bị đơn ông Cao Văn H, anh Cao Thanh D không có trình bày.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn thiếu. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Ngô Văn C1; bị đơn ông Cao Văn H, anh Cao Thanh D có đơn xin vắng mặt. Đối với bà Nguyễn Thị B dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.4] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thanh H1 chỉ yêu cầu bị đơn trả 380.000.000 đồng tiền vốn, yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 10/6/2020. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả vốn: Xét thấy, căn cứ vào biên nhận ngày 10/6/2020 (bản chính) thể hiện ông H, bà B, anh D có mượn của ông C1, bà H1 số tiền 380.000.000đồng, biên nhận có chữ ký của bị đơn. Bà B trong quá trình giải quyết vụ án chỉ thừa nhận nợ nguyên đơn 178.000.000đồng nhưng bà thừa nhận chữ ký trong biên nhận ngày 10/6/2020 là của bà, bà cũng thừa nhận việc ký tên vào biên nhận không bị ai ép buộc. Việc bà trình bày chỉ vay 178.000.000đồng nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, phía nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Đối với ông Cao Văn H, anh Cao Thanh D dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, không có lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Đây là đương sự tự từ bỏ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 380.000.000đồng tiền vốn vay là có cơ sở.

[2.2] Đối yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bà H1 yêu cầu bị đơn trả lãi theo qui định pháp luật là 10%/ năm. Xét thấy, biên nhận ngày 10/6/2020 các bên không ghi lãi suất, thời gian trả. Do đó căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất được tính như sau:

Từ 10/6/2020 đến ngày xét xử là 1.206 ngày: $(380.000.000 \text{ đồng} \times 1.206 \text{ ngày} \times 10\%) / 365 \text{ ngày} = 125.556.000 \text{ đồng}$ (tính tròn).

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bà B có nộp đơn xin miễn giảm án phí cho gia đình bà, lý do hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% án phí phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn C1 và bà Nguyễn Thanh H1.

1. Buộc ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị B, anh Cao Thanh D trả cho ông Ngô Văn C1 và bà Nguyễn Thanh H1 số tiền 380.000.000 đồng tiền vốn và 125.556.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 505.556.000đồng.

2. Về án phí: Ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị B, anh Cao Thanh D phải chịu 12.111.000 đồng (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Ngô Văn C1 và bà Nguyễn Thanh H1 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012678 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

